

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2021

“Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đông và bà Vũ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị B** - sinh năm 1989.

HKTT: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh P.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn H** - sinh năm 1987.

HKTT: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Văn K**, sinh năm 1960 và bà **Trịnh Thị H**, sinh năm 1958 (bố, mẹ đẻ anh H).

Đều trú tại: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, bà H: Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh H.

(Tại phiên tòa: Có mặt chị B, anh Đ; vắng mặt anh H, ông K, bà H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn- chị Hoàng Thị B trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 21/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh H tại thôn H, xã T, huyện B, tỉnh H. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm; vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, to tiếng, thậm chí đánh nhau làm cho cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, tình cảm vợ chồng bị sút mẻ. Do mâu thuẫn vợ chồng, chị đã về quê tại thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ ở từ năm 2012. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, hai bên không có ý thức tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, không còn khả năng hàn gắn, níu kéo cuộc sống chung, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Chị và anh H có một con chung: Phạm Văn Q, sinh ngày 10/8/2009 hiện đang ở với anh H và ông, bà nội của cháu. Chị được biết từ khi vợ chồng sống ly thân, anh H cũng thường xuyên đi làm xa nhà, cháu Q chủ yếu do ông, bà nội cháu chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ; qua thăm dò chị cũng biết tâm tư, nguyện vọng của cháu mong muốn được ở với bố và ông, bà nội nên chị đồng ý để anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q; chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành; phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Chị đồng ý việc ông K, bà H hỗ trợ anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn K, bà Trịnh Thị H trình bày:

Năm 2008, anh H, chị B kết hôn và ở cùng ông bà tại xã T. Anh, chị đều làm tự do. Trong quá trình chung sống, về cơ bản anh – chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hòa thuận, tuy nhiên không tránh khỏi mâu thuẫn, xung đột nhỏ. Nguyên nhân là do anh H, chị B đều cố chấp không chịu nhường nhịn nhau dẫn đến to tiếng, cãi, chửi, xúc phạm nhau. Năm 2011, chị B đã bỏ về quê một thời gian sau đó quay lại chung sống cùng anh H nhưng chỉ được một thời gian ngắn, đến năm 2012 chị B tiếp tục bỏ đi không quay lại chung sống cùng anh H nữa.

Ông, bà xác định anh H thường xuyên đi làm xa nhà, nơi làm việc không ổn định; ông, bà không biết địa chỉ nơi anh H hiện đang làm việc. Mỗi khi có công việc cần trao đổi, anh H liên lạc qua điện thoại với cháu Q hoặc với bố - mẹ.

Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án về việc chị B xin ly hôn anh H, ông - bà đã thông báo cho anh H biết nội dung các văn bản đó, quan điểm của anh H nhất trí ly hôn, hiện anh đang làm trong miền Nam, do tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp tại Hải Dương, anh không thể về để trình bày quan điểm được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị B ly hôn một phía. Anh xin được nuôi dưỡng con chung là Phạm Văn Q và nhờ ông- bà trông nom, chăm sóc trong thời gian anh đi làm vắng nhà. Ông- bà nhất trí.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, bà H đề nghị: Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Văn Q cho anh H nuôi dưỡng. Hiện nay anh H đang vắng mặt tại địa phương nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Q cho bố - mẹ đẻ anh H là ông K, bà H trông nom, chăm sóc cháu Q trong thời gian anh H vắng mặt. Ông K, bà H đều khỏe mạnh, đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Q. Trong thời gian cháu Q ở với anh H và ông- bà nội, cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị B, ông K, bà H, ông Đ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh H vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do là chưa nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, xử cho chị Hoàng Thị B được ly hôn anh Phạm Văn H.

- Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phạm Văn H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Văn Q, sinh ngày 10/8/2009 (hiện đang ở cùng anh H và ông K, bà H) đến khi con chung 18 tuổi, trưởng thành. Tạm giao cho ông K, bà H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q trong thời gian anh H đi vắng.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị B cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành; phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Chị B, anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Anh Phạm Văn H là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và anh Phạm Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 21/10/2008, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ thể hiện: Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân sau đó chị B lại quay về đoàn tụ, năm 2012 vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không tìm biện pháp để khắc phục mâu thuẫn mà đều có thái độ bỏ mặc.

Xét mâu thuẫn giữa chị B, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, xử cho chị B ly hôn anh H phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị B, anh H có một con chung là Phạm Văn Q, sinh ngày 10/8/2009, hiện đang ở cùng anh H và ông K, bà H. Anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Q. Ông K, bà H xác định từ khi chị B, anh H ly thân, cháu Q cơ bản được ông - bà chăm sóc trực tiếp, hàng tháng anh H gửi tiền để ông- bà nuôi cháu. Hiện cháu Q đang học lớp 6, trường Trung học cơ sở Thái Dương; Cháu được chăm sóc chu đáo, phát triển tốt về mọi mặt. Chị B nhất trí giao con chung cho anh H nuôi dưỡng và nhất trí giao cho ông K, bà H chăm sóc cháu Q trong thời gian anh H vắng nhà. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Vì vậy cần chấp nhận sự tự nguyện của chị B, giao con chung cho anh H nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm giao cháu Q cho ông Phạm Văn K và bà Trịnh Thị H nuôi dưỡng trong thời gian anh H vắng mặt tại địa phương; chị B cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị B, anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị B khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm và có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị B.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị B được ly hôn anh Phạm Văn H.

2 - Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phạm Văn H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Văn Q, sinh ngày 10/8/2009 (hiện đang ở cùng anh H và ông K, bà H) đến khi con chung 18 tuổi, trưởng thành. Tạm giao cháu Phạm Văn Q cho ông Phạm Văn K, bà Trịnh Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh H vắng mặt tại nơi cư trú.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị B cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Văn Q 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 3/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành; phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị B chậm thi hành số tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3- Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng), cộng = 600.000 đồng, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0004695 ngày 28/12/2020. Chị B còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

4- Về quyền kháng cáo: Chị B có quyền kháng cáo bản án; ông K, bà H, ông Đ có quyền kháng cáo bản án (phần có liên quan) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Quyên